

DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 54*Ngày thi: 08/6/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
1	CB54001	QTKD2311022	Nguyễn Mỹ	Ái	12/07/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 01
2	CB54002	2101134	Đỗ Hoài	An	19/12/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 01
3	CB54003	2000010	Phùng Thanh	An	14/04/2002	Trà Vinh	Phòng Máy 01
4	CB54004	2100530	Trà Thị Cẩm	An	02/10/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 01
5	CB54005	KTHC2411057	Dương Thị Kim	Anh	24/07/2006	Kiên Giang	Phòng Máy 01
6	CB54006	NGNA2211045	Dương Thị Phương	Anh	06/11/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
7	CB54007	QLXD2211045	Huỳnh Tuấn	Anh	01/12/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 01
8	CB54008	2000822	Nguyễn Ngô Quỳnh	Anh	15/05/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 01
9	CB54009	2100957	Nguyễn Trường Nhật	Anh	19/09/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 01
10	CB54010	KTHC2411042	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	08/11/2006	Cần Thơ	Phòng Máy 01
11	CB54011	2100546	Nguyễn Huỳnh Thiên	Ân	25/11/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 01
12	CB54012	KTHC2411019	Nguyễn Gia	Bảo	05/01/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 01
13	CB54013		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	27/01/2003	Đồng Tháp	Phòng Máy 01
14	CB54014	CNDT2311001	Nguyễn Thành Trung	Chánh	11/02/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 01
15	CB54015	2000096	Ngô Duy	Dane	01/01/2001	Cần Thơ	Phòng Máy 01
16	CB54016	2000828	Nguyễn Văn	Đề	29/09/2000	Hậu Giang	Phòng Máy 01
17	CB54017	QTKD2311031	Thái Thị Mỹ	Diện	27/12/2005	Kiên Giang	Phòng Máy 01
18	CB54018	KETO2311008	Trần Kim Hậu	Duệ	01/12/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 01
19	CB54019	2100342	Huỳnh Thị Bình	Duy	10/02/2003	An Giang	Phòng Máy 01
20	CB54020	2101009	Lâm Thúy	Duy	07/10/2003	Cà Mau	Phòng Máy 01
21	CB54021	QLXD2211040	Nguyễn Bá	Duy	30/04/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
22	CB54022	2101157	Võ Phương	Duy	21/11/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 02
23	CB54023	QLCN2311041	Trần Thị Mỹ	Duyên	06/10/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 02

DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 54*Ngày thi: 08/6/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
24	CB54024	2100580	Võ Minh Thùy	Dương	30/06/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 02
25	CB54025		Nguyễn Ngọc Linh	Đan	19/01/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
26	CB54026	2101071	Lại Minh	Đạt	25/07/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 02
27	CB54027	KTNL2311030	Trần Hải	Đặng	03/08/2005	Kiên Giang	Phòng Máy 02
28	CB54028	2100423	Trương Nguyễn Duy	Đặng	05/01/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 02
29	CB54029	2101471	Trần Thị Ngọc	Giàu	21/03/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 02
30	CB54030	2101600	Đào Mỹ	Hà	20/10/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 02
31	CB54031	2101306	Nguyễn Đức	Hào	22/10/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 02
32	CB54032	QLXD2211061	Nguyễn Minh	Hào	26/05/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 02
33	CB54033	2100654	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	19/06/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 02
34	CB54034	NGNA2211033	Trương Thị Mộng	Hân	28/07/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 02
35	CB54035	QLXD2211027	Nguyễn Thế	Hiền	07/07/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
36	CB54036	2001219	Tổng Đức	Hiếu	18/09/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 02
37	CB54037	2100052	Trần Minh	Hiếu	04/06/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 02
38	CB54038	KTNL2311002	Mã Vĩnh	Kỳ	23/04/2000	Cần Thơ	Phòng Máy 02
39	CB54039	QLXD2211019	Phan Nguyễn Hồng	Khoa	30/11/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 02
40	CB54040	TCNH2311060	Nguyễn Thị Thanh	Lan	02/04/2005	An Giang	Phòng Máy 02
41	CB54041	QLXD2211038	Huỳnh Sành	Liếp	06/04/2004	Kiên Giang	Phòng Máy 03
42	CB54042	2100376	Lê Khả	Linh	16/05/2003	Cà Mau	Phòng Máy 03
43	CB54043	NGNA2211068	Nguyễn Thị Tố	Mai	10/10/2004	An Giang	Phòng Máy 03
44	CB54044	CNSH2311046	Lê Ái	Minh	14/11/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 03
45	CB54045	QLCN2311021	Lê Hoàng	Mỹ	07/08/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 03
46	CB54046	2100955	Nguyễn Ngọc	Ngân	25/07/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03

DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 54*Ngày thi: 08/6/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
47	CB54047	KTHC2411031	Võ Hồng	Nghi	26/04/2006	Cà Mau	Phòng Máy 03
48	CB54048	QLXD2211012	Nguyễn Văn	Nghĩa	07/02/2004	Kiên Giang	Phòng Máy 03
49	CB54049	2100247	Trần Huỳnh	Ngọc	09/02/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 03
50	CB54050	2100481	Huỳnh Vũ Thanh	Nguyên	15/02/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03
51	CB54051	TCNH2311049	Lâm Thị Thái	Nguyên	14/02/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
52	CB54052	2100884	Lê Hồng	Ngự	01/01/2003	Kiên Giang	Phòng Máy 03
53	CB54053	2100857	Lâm Yến	Nhi	21/09/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 03
54	CB54054	CNSH2311013	Mạch Bảo Yến	Nhi	26/08/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
55	CB54055	2101543	Ngô Thị Hồng	Nhi	14/11/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 03
56	CB54056	QLCN2311029	Lê Nguyễn Khánh	Như	20/06/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 03
57	CB54057	TCNH2311076	Trương Trúc	Như	16/03/2005	Cà Mau	Phòng Máy 03
58	CB54058	1900651	Trần Văn	Phát	20/06/2000	Kiên Giang	Phòng Máy 03
59	CB54059	2100330	Ngô Thị Cẩm	Phê	06/08/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 03
60	CB54060	QLXD2211017	Ngô Gia	Phúc	02/06/2003	Hậu Giang	Phòng Máy 04
61	CB54061	QLXD2211024	Nguyễn Hồng	Phúc	05/06/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
62	CB54062	CNDD2211049	Nguyễn Trọng	Phúc	09/09/2003	Bạc Liêu	Phòng Máy 04
63	CB54063	CNDD2311045	Nguyễn Trọng	Phúc	26/09/2005	Cà Mau	Phòng Máy 04
64	CB54064	2100795	Võ Nguyễn Như	Phúc	15/11/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 04
65	CB54065	CNSH2311014	Văn Mỹ	Phương	05/06/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 04
66	CB54066	CNSH2311002	Phan Nhựt	Phượng	25/12/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 04
67	CB54067	TCNH2311023	Trần Thị Tố	Quỳnh	29/04/2005	Kiên Giang	Phòng Máy 04
68	CB54068	QLXD2211025	Nguyễn Hồng	Sơn	13/06/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 04
69	CB54069	QLXD2211023	Phan Hữu	Tài	16/06/2003	Sóc Trăng	Phòng Máy 04

DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 54*Ngày thi: 08/6/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
70	CB54070	2100304	Nguyễn Tấn	Tiến	25/09/2003	Đà Nẵng	Phòng Máy 04
71	CB54071	2100710	Trương Ngọc	Toàn	14/04/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04
72	CB54072	2100664	Lê Khả	Tú	14/11/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 04
73	CB54073	1800273	Lâm Mỹ	Thanh	18/10/2000	Cần Thơ	Phòng Máy 04
74	CB54074	QLXD2211037	Nguyễn Tiến	Thành	19/06/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 04
75	CB54075	CNTP2211027	Trương Hiệp	Thành	04/12/2004	Sóc Trăng	Phòng Máy 04
76	CB54076	TCNH2311051	Trần Thị Mai	Thi	01/06/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 04
77	CB54077	QLXD2211042	Lê Hiền	Thịnh	12/10/2004	Cần Thơ	Phòng Máy 04
78	CB54078	QLXD2211039	Phạm Phước	Thịnh	24/11/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 04
79	CB54079	KTHC2311018	Lê Ngọc Minh	Thư	29/12/2005	Hậu Giang	Phòng Máy 04
80	CB54080	TCNH2411057	Lê Thị Anh	Thư	02/02/2006	Hậu Giang	Phòng Máy 05
81	CB54081	CNSH2311011	Lê Ngọc	Thường	12/12/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 05
82	CB54082	2100375	Nguyễn Thị Anh	Thy	02/08/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 05
83	CB54083	2101241	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/02/2003	Kiên Giang	Phòng Máy 05
84	CB54084	QTKD2311014	Trần Bảo	Trâm	03/07/2005	Bạc Liêu	Phòng Máy 05
85	CB54085	QLCN2311024	Trần Thị Ngọc	Trâm	04/12/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 05
86	CB54086	TCNH2311044	Trần Thị Huyền	Trân	24/12/2005	Hậu Giang	Phòng Máy 05
87	CB54087	QLCN2311018	Trần Thị Huyền	Trân	20/05/2005	Sóc Trăng	Phòng Máy 05
88	CB54088	2100892	Dương Minh	Triết	26/02/2003	Kiên Giang	Phòng Máy 05
89	CB54089	CNDD2311056	Nguyễn Văn	Triệu	21/12/2005	Đồng Tháp	Phòng Máy 05
90	CB54090	QLXD2211060	Võ Thị Kiều	Trinh	12/02/2004	An Giang	Phòng Máy 05
91	CB54091	2101044	Võ Minh	Trung	03/06/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 05
92	CB54092	2101182	Hồ Minh	Trực	16/04/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 05

DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 54

Ngày thi: 08/6/2025 Buổi sáng lúc 07h00'

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	N. Sinh	Nơi sinh	Phòng
93	CB54093	2101202	Nguyễn Chí Quang	Trường	04/05/2003	Cần Thơ	Phòng Máy 05
94	CB54094	1900530	Trần Dũ	Uy	30/10/2001	Sóc Trăng	Phòng Máy 05
95	CB54095	QLXD2211032	Nguyễn Hoàng Anh	Văn	18/09/2004	Trà Vinh	Phòng Máy 05
96	CB54096	LUAT2411022	Nguyễn Quốc	Vinh	27/12/2006	Cần Thơ	Phòng Máy 05
97	CB54097	QLXD2211015	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	09/10/2004	Hậu Giang	Phòng Máy 05
98	CB54098	CNSH2311029	Nguyễn Nhật	Vy	13/06/2005	Cần Thơ	Phòng Máy 05
99	CB54099	2000722	Nguyễn Thị Thanh	Vy	01/02/2002	Cần Thơ	Phòng Máy 05